TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2017
V/v tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh;

2. Ông Nguyễn Văn Thắng.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lương Đăng Bùi là Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2017/TLST-HNGĐ ngày 30/3/2017 về việc tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 881/2017/QĐXX ST- HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959, ĐKHKTT: Thôn K, xã C, huyệnÂ, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn P, xã C, huyện A, Hải Phòng, có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn G, sinh năm 1959, ĐKHKTT: Thôn K, xã C, huyệnAA, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn P, xã C, huyện A, Hải Phòng, vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện An Lão, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Phạm Văn G chung sống mâu thuẫn và đã ly hôn theo bản án số 01/2017/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 01 năm 2017

của Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng đã xử cho bà và ông Phạm Văn G ly hôn; về tài sản chung bà H và ông G không thỏa Tđược với nhau. Nay bà H khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện An Lão giải quyết chia tài sản chung của bà và ông G gồm: 01 căn nhà cấp 4 có diện tích là 40m^2 xây dựng năm 2002, 01 nhà dưới có diện tích là 18m^2 xây dựng năm 1998, công trình phụ bếp, bể, nhà tắm, nhà vệ sinh, được xây trên diện tích đất 362m^2 thửa đất số 686, tờ bản đồ số 293-C, địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện A, Hải Phòng. Tài sản trên do công sức của ông bà xây dựng, các con chung của ông bà không có công sức đóng góp trong khối tài sản này. Nguồn gốc đất bà và ông G chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Tvà ông Vũ Mạnh Htừ năm 1991, thuộc quyền sử dụng của bà và ông G mang tên Nguyễn Thị H trong sổ mục kê năm 1995 của xã Chiến Thắng, huyện An Lão nhưng chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà và ông G sử dụng đất ổn định từ năm 1991 đến nay không có tranh chấp với bất kỳ ai. Trong quá trình sử dụng đất năm 2012 Nhà nước có mở rộng đường 354 đã thu hồi một phần đất của bà và ông G và được nhận bồi thường. Do vậy hiện nay diện tích đất của bà và ông G đang sử dụng cụ thể còn lại là 276m^2. Bà H đề nghị Toà án giải quyết chia cho bà được quyền sử dụng phần diện tích đất có 01 căn nhà cấp 4 có diện tích là 40m^2 xây dựng năm 2002, 01 nhà dưới có diện tích là 18m^2 xây dựng năm 1998, công trình phụ bếp, bể, nhà tắm, nhà vệ sinh và nhường cho ông Phạm Văn G sử dụng phần diện tích đất còn lại và bà trả tiền chênh lệch tài sản sang cho ông G. Tại phiên tòa bà H trình bày trong thời gian bà và ông G chưa ly hôn nhưng đã sống ly thân nhau mẹ con bà ở nhà dưới do nhà cũ hỏng, dột nên bà tự nguyện bỏ tiền ra tu sửa: Làm trần tôn mạ màu và trần nhựa mái nhà dưới, đóng 01 cửa nhôm kính nhà dưới và làm 01lán tôn phía trước nhà dưới bà không bàn bạc với ông G, bà xác định là tài sản chung của bà và ông G đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

Lời khai của ông Phạm Văn G thể hiện: Ông và bà H đã ly hôn do Tòa án nhân dân huyện An Lão giải quyết tại bản án số 01/2017/HNGĐ-ST ngày 10/01/2017; về tài sản chung ông G thống nhất như bà H trình bày trên và ông nhất trí với bà H tài sản của ông bà. Việc xây dựng kiến thiết các công trình trên đất do ông và bà H làm hai con chung còn nhỏ phải nuôi ăn học nên không có công sức đóng góp vào khối tài sản của ông bà. Hiện nay ông đang ở căn nhà cấp 4 xây phía trước còn mẹ con bà H ở căn nhà dưới phía sau. Nay bà H yêu cầu chia tài sản chung của ông bà; ông không đồng ý chia, ông có ý kiến để lại toàn bộ tài sản trên cho con trai của ông và bà H.

Tại kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản ngày 07 tháng 6 năm 2017 đã xác định tổng giá trị tài sản của bà H và ông G là 1.060.220.131đồng. Trong đó các tài sản xây dựng trên đất và cây ăn quả được xác định bằng 232.220.131 đồng; giá trị quyền sử dụng đất là 3.000.000đ/m^2. Tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 03 tháng 7 năm 2017 xác định diện tích đất là 276m^2.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị chia tài sản chung sau khi ly hôn, ông Phạm Văn G là bị đơn đã được Toà án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà Nguyễn Thị H đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Ông Phạm Văn G không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 33; khoản 1, 2, 3 Điều 59; Điều 63 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Đề nghị Hội đồng xét xử chia cho bà H và ông G mỗi người được hưởng 1/2 giá trị khối tài sản trên là 1.060.220.131đ : 2 = 530.110.065 đồng và ưu tiên chia cho bà H 1/2 diện tích đất, trên đất có 02 căn nhà và công trình phụ và chia cho ông G 1/2 diện tích đất còn lại trên đất có một số cây ăn quả tại thửa đất số 686, tờ bản đồ số 29-C; địa chỉ: Thôn Phương Hạ, xã Chiến Thắng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Bà H trả tiền chênh lệch tài sản cho ông G và ông G được quyền lưu cư ở nhà của bà H trong thời gian 06 tháng để ông sắp xếp nơi ở mới. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn G phải nộp án phí chia tài sản trên tổng giá trị tài sản mỗi người được hưởng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Ông Phạm Văn G là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Phạm Văn G.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án cho thấy: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn G đều thống nhất có tài sản chung là nhà đất tại thửa số 686, tờ bản đồ số 293-C, địa chỉ: Thôn Phương Hạ, xã Chiến Thắng, huyện An Lão, Hải Phòng. Tài sản của ông bà có trong thời hôn nhân gồm 01 căn nhà cấp 4; 01 nhà dưới; 01 nhà bếp, cổng khung sắt bịt lưới B40; 01 bể nước; nhà tắm + 01 nhà vệ sinh; 01lán tôn mạ màu sườn kẽm; 01 cây nhãn, 01 cây vải, 01 cây vú sữa và 01 cây xoài. Ông bà thống nhất hai con chung của ông bà không có công sức đóng góp trong khối tài sản này, theo kết quả định giá tài sản ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản các tài sản xây dựng kiến thiết trên đất cụ thể như sau: 01 căn nhà cấp 4 có diện tích là 33,2m^2 trị giá là 130.154.520 đồng; 01 nhà dưới có diện tích là 21m^2 + 01 nhà bếp rộng 9,1m^2 + cổng khung sắt bịt lưới B40: 3,45m^2 trị giá là 47.929.931 đồng; 01 bể nước: 8,76m^3 + 01 nhà tắm + 01 nhà vệ sinh: 7,14m^2 + 01 lán tôn mạ mầu sườn kẽm: 40,28m^2 trị giá là 52.935.680 đồng; 01 cây nhãn, 01 cây vải, 01 cây vú sữa và 01 cây xoài trị giá là 1.200.000 đồng. Tổng trị giá tài sản trên đất bằng 232.220.131 đồng và giá trị quyền sử dụng đất là 3.000.000đ/m^2; tại kết quả thẩm định tại chỗ ngày 03 tháng 7 năm 2017 xác định diện tích đất của bà H và ông G là 276m^2 x 3.000.000đ = 828.000.000 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản của bà H ông G là: 232.220.131đ + 828.000.000đ = 1.060.220.131đ (làm tròn một tỷ không trăm sáu mươi nghìn hai trăm hai mươi nghìn đồng). Tài sản này của bà H và ông G tồn tại trong thời kỳ hôn nhân, Toà án xác định đây là sự thật không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nguồn gốc đối của bà H và ông G do nhận chuyển nhượng lại của bà Nguyễn Thị Tvà ông Vũ Mạnh Htừ năm 1991 có diện tích là 362m^2 (theo giấy chuyển nhượng ngày 10 tháng 11 năm 1991). Thực tế tại sổ mục kê của Ủy ban nhân dân xã Chiến Thắng năm 1995 thể hiện diện tích đất là 330m^2 mang tên bà Nguyễn Thị H. Bà H và ông G sử dụng diện tích đất trên ổn định từ năm 1991 đến nay không có tranh chấp với bất kỳ ai. Trong quá trình sử dụng đất năm 2010 Nhà nước mở rộng đường 354 có thu hồi một phần diện tích đất của ông bà và đã bồi thường nên thực tế diện tích đất của bà H và ông G còn lại là 276m^2, ông bà khôgn có ý kiến gì và được Uỷ ban nhân dân xã Chiến Thắng xác nhận tại biên bản xác

định mốc, giới ngày 15 tháng 3 năm 2017 và thuộc đất sử dụng lâu dài không nằm trong quy hoạch, dự án nào của Nhà nước.

Thực tế bà H và ông G đã ly hôn nhưng hiện nay đang sống chung trên diện tích đất thuộc quyền sử dụng chung của ông bà. Hiện nay bà và con chung ở nhà dưới còn ông G ở nhà trên sinh hoạt trong cuộc sống phức tạp. Bà H yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn là có căn cứ. Đối với tài sản kiến thiết trên đất là nhà và công trình phụ ông bà xây dựng áp sát về phía giáp ngõ đi của xóm nên không thể chia nhà đất theo chiều ngang của ngõ xóm mà xem xét chia nhà đất của ông bà theo chiều dọc của mặt đường 354 là phù hợp với thực tế.

Bị đơn ông Phạm Văn G có lời khai không đồng chia tài sản chung sau khi ly hôn, ý kiến của ông để lại toàn bộ nhà đất của ông bà cho con trai của ông và bà H. Việc ông G được triệu tập nhiều lần nhưng ông không đến Toà án để tham gia giải quyết việc bà H yêu cầu chia tài sản chung của ông bà và tại phiên toà ông vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chứng tỏ ông tự tước bỏ quyền và lợi ích của mình được pháp luật bảo vệ. Vì vậy nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đề nghị Toà án chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định về nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng: 2. " *Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi…*"; 3. " *Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị; bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần chênh lệch*" và theo quy định tại khoản 4 Điều 213 của Bộ luật Dân sự quy định: " *Tài sản chung của vợ chồng có thể phân chia theo thoả Thoặc theo quyết định của Toà án*".

Xét điều kiện hiện nay của bà H và ông G ngoài nơi ở này không còn nơi ở nào khác. Tuy nhiên bà H và con chung đang ở cùng nhau, bà H tuổi cao không có điều kiện xây dựng nhà nên xem xét được ưu tiên chia 1/2 diện tích đất trên đất có nhà và công trình phụ cho bà H quản lý sử dụng và chia cho ông G 1/2 diện tích đất còn lại trên đất có một số cây ăn quả và bà H có trách nhiệm trả tiền chênh lệch tài sản sang cho ông G. Ông G được chia phần đất còn lại có diện tích nhiều hơn bà H và ông G nhận tiền chênh lệch chia tài sản bà H trả sang. Do ông G chưa có nơi ở nên bà H nhất trí cho ông G lưu cư ở căn nhà bà được chia một thời gian để ông G ổn định nơi ở mới.

Căn cứ vào công sức xây dựng khối tài sản chung và căn cứ vào điều kiện thực tế của bà H và ông G, Hội đồng xét xử chia tài sản của bà H và ông G như sau:

Bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 134m^2 tại thửa đất số 686, tờ bản đồ số 293-C; địa chỉ: Thôn Phương Hạ, xã Chiến Thắng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng và tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 có diện tích là 33,2m^2; 01 nhà phụ có diện tích là 21m^2; công trình phụ gồm nhà bếp rộng 9,1m^2; 01 bể nước: 8,76m^3; 01 nhà tắm + 01 nhà vệ sinh: 7,14m^2; lán tôn mạ mầu sườn kẽm 40,28m^2; cổng khung sắt bịt lưới B40: 3,45m^2. Bà Hphải trả tiền chênh lệch tài sản cho ông G.

Ông Phạm Văn G được quyền quản lý sửt dụng diện tích đất 142m^2 tại thửa đất số 686, tờ bản đồ số 293-C; địa chỉ: Thôn Phương Hạ, xã Chiến Thắng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng và tài sản trên đất có 01 cây nhãn, 01 cây vải, 01 cây vũ sữa, 01 cây xoài và ông G được nhận tiền chênh lệch tài sản bà H trả sang.

[2]. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn G phải nộp án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị H là người yêu cầu định giá tài sản và yêu cầu thẩm định tại chỗ nên bà H phải nộp 2.000.000đ (hai triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng bà H đã nộp là 2.000.000 đồng, bà H đã nộp đủ tiền chi phí tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 213 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 33; khoản 1,2, 3 Điều 59 và Điều 63 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với ông Phạm Văn G.

Giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý sử dụng 134m^2 đất có trị giá là 402.000.000 đồng tại thửa số 686, tờ bản đồ số 293-C, địa chỉ: Thôn Phương Hạ, xã Chiến Thắng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng và tài sản trên đất gồm 01 căn nhà cấp 4 có diện tích là 33,2m^2 trị giá là 130.154.520 đồng; 01 nhà dưới có diện tích là 21m^2 + 01 nhà bếp rộng 9,1m^2 + cổng khung sắt bịt lưới B40: 3,45m^2

có giá trị là 47.929.931 đồng; 01 bể nước: 8,76m^3 + 01 nhà tắm + 01 nhà vệ sinh: 7,14m^2 + 01 lán tôn mạ mầu sườn kẽm: 40,28m^2 có trị giá là 52.935.680 đồng; có vị trí như sau:

- Phía Tây giáp đường 354 từ mốc 4 đến mốc 6 dài 5,6m
- Phía Nam giáp ngõ xóm từ mốc 3 đến mốc 4 dài là 24m
- Phía Bắc giáp đất ông G từ mốc 5 đến mốc 6 dài là 24,5m
- Phía Đông giáp mương nước từ mốc 3 đến mốc 5 dài là 5,5m

Tổng giá trị tài sản bà Nguyễn Thị Hòa được chia là 633.020.000đ (sáu trăm ba mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Giao cho ông Phạm Văn G được quyền sử dụng 143m^2 đất có trị giá là 426.000.000 đồng tại thửa số 686, tờ bản đồ số 293-C, địa chỉ: Thôn Phương Hạ, xã Chiến Thắng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng và tài sản trên đất gồm 01 cây nhãn + 01 cây vải + 01 cây vú sữa + 01 cây xoài có trị giá là 1.200.000 đồng, có vị trí như sau:

- Phía Tây giáp đường 354 từ mốc 1 đến mốc 6 dài 6,0m
- Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị H từ mốc 5 đến mốc 6 dài 24,5m
- Phía Bắc giáp mương nước từ mốc 1 đến mốc 2 dài 25m
- Phía Đông giáp mương nước từ mốc 2 đến mốc 5 dài 5,5m

Tổng giá trị tài sản ông Phạm Văn G được chia là 427.200.000đ (bốn trăm hai mươi bẩy triệu hai trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Hòa phải trả ông Phạm Văn G tiền chênh lệch tài sản là 102.910.000đ (một trăm linh hai triệu chín trăm mười nghìn đồng).

Ông Phạm Văn G được quyền lưu cư ở căn nhà cấp 4 bà Nguyễn Thị Hòa được chia trong thời gian (06) sáu tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để ông ổn định nơi ở mới.

(Mọi chi tiết có sơ đồ kèm theo).

[2]. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 25.204.400 đồng tiền án phí chia tài sản chung sau khi ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng tại biên lai số 0002463 ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, bà Nguyễn Thị H còn phải nộp tiếp 17.704.400 đồng tiền án phí.

Ông Phạm Văn G phải nộp 25.204.400 đồng tiền án phí chia tài sản chung sau khi ly hôn sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng định giá tài sản và chi phí thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 2.000.000đ (hai triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm

ứng chi phí tố tụng bà H đã nộp là 2.000.000 đồng. Bà H đã nộp đủ tiền chi phí tố tụng.

[3]. Về quyền kháng cáo bản án:

Bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Phạm Văn G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo đúng quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tthi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hạn thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã Chiến Thắng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn